

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL24BTS**

Năm học: **24-25**

Mã MH/MĐ: **MH002146**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Luật Thương mại**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2453801010001	Bùi Hoàng Ân	08/08/1996				8	5.5	5.0			8.0		7.1
2	2453801010002	Dương Thị Kim Chi	01/01/1990				9	9.0	9.0			8.5		8.7
3	2453801010003	Lâm Văn Út	10/08/1988				5	5.0	5.0			9.0		7.4
4	2453801010004	Nguyễn Thị Mỹ Dung	24/03/1992				8.5	5.0	0.0			CT		1.5
5	2453801010006	Trần Cường	03/10/1993				9	8.0	7.5			8.5		8.3
6	2453801010007	Nguyễn Thị Huỳnh	20/05/1991				8	7.0	8.0			0.0		3.0
7	2453801010008	Lê Huỳnh	28/06/1983				9	7.5	7.0			9.5		8.7
8	2453801010009	Lê Hùng	13/08/1995				10	5.5	7.5			9.0		8.3
9	2453801010010	Trần Vĩ	06/11/2004				9	8.5	7.5			7.5		7.8
10	2453801010011	Huỳnh Nguyễn Minh	31/08/2008				9.5	7.0	8.0			0.0		3.2
11	2453801010012	Nguyễn Tuấn	07/04/1998				10	8.5	7.5			8.5		8.5
12	2453801010013	Phan Hoàng Phú	22/12/2001				5	5.0	5.0			0.0		2.0
13	2453801010014	Nguyễn Thị Thuý	19/08/2003				8.5	8.5	6.5			8.5		8.2
14	2453801010016	Võ Quang	05/02/1987				8	8.5	8.0			9.0		8.7
15	2453801010017	Đỗ Thành	10/10/2004				9	7.5	8.5			6.5		7.2
16	2453801010018	Nguyễn Sĩ Học	20/10/1987				7.5	8.0	8.0			9.0		8.6
17	2453801010019	Lâm Thị Trúc	01/01/1989				8.5	7.0	8.0			8.5		8.2
18	2453801010020	Huỳnh Thị Thu	28/06/1992				9.5	7.5	7.5			9.5		8.9
19	2453801010021	Hứa Hoàng	04/11/1982				6	7.5	5.5			5.0		5.6
20	2453801010022	Nguyễn Thị Thiên	06/02/1987				7.5	7.0	5.5			8.5		7.7
21	2453801010023	Châu Thị Lan	15/10/2001				9	7.0	8.5			8.5		8.3
22	2453801010024	Nguyễn Thị Quỳnh	20/04/2006				9	7.0	7.5			8.5		8.1
23	2453801010026	Chau	03/03/1998				5.5	5.0	5.0			0.0		2.0
24	2453801010027	Nguyễn Tấn	01/01/1982				7	7.5	8.5			9.0		8.5
25	2453801010028	Ngô Lê Thái	08/05/2004				9.5	8.5	5.0			6.0		6.5
26	2453801010029	Khuru Thị Thanh	11/11/1999				9	9.0	9.0			9.5		9.3
27	2453801010030	Nguyễn Ngọc	01/04/1995				5	5.0	5.0			8.5		7.1
28	2453801010031	Nguyễn Thanh	10/07/1987				9	6.5	8.0			9.0		8.4
29	2453801010033	Nguyễn Thị Thanh	10/01/1979				6	9.5	6.5			9.0		8.4
30	2453801010035	Khuru Thuý	05/02/2005				9	8.5	9.0			8.5		8.6

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
-----	------	--------	-----------	---------	---------	--------	--------	------------

Châu Đốc, ngày 16 tháng 6 năm 2025

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Nguyễn Ngọc Xoàn